

Số: 16/QĐ-MNN8-3

Nam Định, ngày 03 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Thành lập Ban chỉ đạo công tác nuôi ăn bán trú
Năm học 2025-2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON 8-3

Căn cứ Thông tư liên tịch số Thông tư 19/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập.

Căn cứ thông tư 48/2011/TT - BGDĐT ngày 25 tháng 10 năm 2011 “Quy định về chế độ làm việc đối với giáo viên mầm non”

Căn cứ Công văn số 927/SGDĐT-TC ngày 25/9/25 của Sở GDĐT tỉnh Ninh Bình V/v thực hiện các khoản thu tại các cơ sở giáo dục công lập năm học 2025-2026.

Căn cứ Công văn số 663/UBND-VX ngày 26/9/2025 của UBND phường Nam Định V/v thực hiện các khoản thu tại các cơ sở giáo dục công lập năm học 2025-2026 trên địa bàn phường Nam Định;

Căn cứ Kế hoạch năm học 2025-2026 của nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Thành lập Ban chỉ đạo quản lý công tác nuôi ăn bán trú tại trường mầm non 8-3 gồm các ông (bà) có tên sau:

1. Bà: Phạm Thị Long Quân	Hiệu trưởng	Trưởng ban
2. Bà: Lê Thị Thu Cúc	Phó hiệu trưởng-CTCD	Phó ban
3. Bà: Nguyễn Thị Thu Hiền	TPCM-Thủ quỹ	Ủy viên
4. Bà: Cồ Thị Kim Thoa	Kế toán	Ủy viên
5. Bà: Trần Thị Kiều Loan	TTCM	Ủy viên

Điều 2: Ban chỉ đạo quản lý công tác nuôi ăn bán trú có trách nhiệm thực hiện những nội dung sau:

- Thực hiện xây dựng khẩu phần ăn cân đối, đa dạng, hợp lý đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng cho trẻ.

- Báo cáo kế hoạch trước Hội nghị Nhà giáo, CBQLGD, Người lao động và thông báo cho Hội cha mẹ học sinh biết để phối hợp thực hiện.
- Theo dõi, kiểm tra, đánh giá việc tổ chức nuôi ăn bán trú.
- Công khai chế độ thu và sử dụng tiền nuôi ăn bán trú, tiền nước uống trước Hội đồng giáo dục nhà trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh theo quy định.

Điều 3: Các ông (bà) có tên trong điều 1, các tổ chuyên môn, các bộ phận cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

*** Nơi nhận:**

- Như điều 1
- Tổ chuyên môn
- Lưu VT

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG MẦM NON
8-3
Phạm Thị Long Quân



Nam Định, ngày 03 tháng 10 năm 2025

KẾ HOẠCH
QUẢN LÝ VÀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC NUÔI ĂN BÁN TRÚ
TẠI TRƯỜNG MẦM NON 8-3
NĂM HỌC 2025-2026

Căn cứ Công văn số 927/SGDDĐT-TC ngày 25/9/25 của Sở GDĐT tỉnh Ninh Bình V/v thực hiện các khoản thu tại các cơ sở giáo dục công lập năm học 2025-2026.

Căn cứ Công văn số 663/UBND-VX ngày 26/9/2025 của UBND phường Nam Định V/v thực hiện các khoản thu tại các cơ sở giáo dục công lập năm học 2025-2026 trên địa bàn phường Nam Định;

Căn cứ Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 15/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường các điều kiện bảo đảm chất lượng thực hiện hiệu quả nhiệm vụ năm học 2025-2026;

Căn cứ Quyết định số 2358/QĐ-BGDĐT ngày 20/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo việc ban hành Kế hoạch nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm học 2025 - 2026 của ngành Giáo dục;

Căn cứ Văn bản số 5542/BGDĐT-KHTC ngày 12/9/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện chính sách học phí; miễn, giảm học phí và các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2025-2026.

Căn cứ Văn bản số 535/SGDDĐT-VP ngày 20/8/2025 về việc hướng dẫn triển khai một số hoạt động đầu năm học.

Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 20 Điều 1 của Luật số 87/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật: Các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh nào trước sáp nhập tiếp tục thực hiện quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí theo nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân của tỉnh đó đã ban hành trước sáp nhập. Đối với nội dung dạy thêm, học thêm trong nhà trường các cơ sở giáo dục thực hiện theo quy định tại Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT ngày 30/12/2024 của Bộ GDĐT và Quyết định số 116/2025/QĐ-UBND ngày 18/9/2025 của UBND tỉnh Ninh Bình.

(Thực hiện theo: Hướng dẫn số 1617/HD-SGDĐT ngày 31/8/2024 về việc thực hiện các khoản thu năm học 2024-2025; Hướng dẫn số 1628/HD-SGDĐT ngày 05/09/2024 về việc thực hiện quản lý khoản thu, chi các khoản dịch vụ, phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục công lập do tỉnh quản lý năm học 2024-2025; Công văn số 29/2024/TT-BGDĐT ngày 30/12/2024 – Thông tư Quy định về dạy thêm, học thêm; Công văn số 225/UBND-VX ngày 11/02/2025 V/v thực hiện Thông tư 29/2024/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về dạy thêm, học thêm;)

Thực hiện nghiêm túc các nội dung quy định tại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành, tuyệt đối không để xảy ra tình trạng lạm thu, thu không đúng quy định; chịu trách nhiệm trước pháp luật và cơ quan quản lý cấp trên nếu để xảy ra tình trạng thu, chi sai quy định tại đơn vị.

Căn cứ tình hình thực tế của nhà trường.

Trường mầm non 8-3 xây dựng kế hoạch “Quản lý và tổ chức công tác nuôi ăn bán trú tại trường” năm học 2025-2026 như sau:

A. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CỦA NHÀ TRƯỜNG:

1. Số lớp, số học sinh: Tính đến tháng 9 năm 2025 toàn trường có số lớp và số học sinh như sau:

- Nhà trẻ 03 lớp: 56 trẻ
- Mẫu giáo 15 lớp : 380 trẻ

c. Đội ngũ CB, GV, NV: Tổng số 47 người.

- Tổng số: 47 đ/c (Biên chế 38 đ/c; Hợp đồng trường 09 đ/c)
- + Ban giám hiệu: 03 đ/c (01 đ/c trình độ Thạc sĩ + Cao cấp chính trị; 02 đ/c trình độ Đại học sư phạm + 02 Trung cấp chính trị)
- + Giáo viên: 34 đ/c chia làm 4 tổ (ĐH: 33 người, CĐ: 01 người)
- + Nhân viên: 10 đ/c (01 biên chế; 09 hợp đồng)

3. Cơ sở vật chất:

- Diện tích toàn trường 2711,6 m², trường có hàng rào bảo vệ đảm bảo an toàn về CSVC và con người. Trong đó có 18 phòng học được xây dựng 3 tầng kiên cố.

- Trường có hệ thống bếp ăn 1 chiều đúng quy định sử dụng 100% hệ thống bếp ga công nghiệp, có đầy đủ tủ lạnh, hệ thống bếp ga công nghiệp, tủ đựng bát, tủ sấy bát, bàn chia ăn, giá chia ăn, máy xay.....đầy đủ đồ dùng phục vụ cho công tác nuôi dưỡng, vệ sinh - chăm sóc trẻ.

- Trường có hệ thống tường bao đảm bảo an toàn. Môi trường sạch đẹp, không gần khu vực ô nhiễm. Có nhà vệ sinh cho cán bộ giáo viên riêng biệt.

- Trường có nguồn nước sạch, hợp vệ sinh.
- Các lớp học được trang bị đầy đủ đồ dùng, trang thiết bị phục vụ công tác nuôi, dạy bán trú như: đệm ngủ, chăn gối, bàn ghế. 100% trẻ có đủ đồ dùng cá nhân như ca, cốc, bát, thìa inox, khăn mặt có ký hiệu riêng.

4. Những thuận lợi, khó khăn:

4.1. Thuận lợi:

- Hệ thống các văn bản nhà nước, Bộ, ngành, chính quyền các cấp triển khai nhiệm vụ năm học 2025-2026 là hành lang pháp lý giúp nhà trường trong việc thực hiện tốt nhiệm vụ năm học.

- Trường được sự quan tâm chỉ đạo trực tiếp của phòng VH –XH phường Nam Định. Bên cạnh đó trường cũng luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo và giám sát sát sao của Đảng ủy - HĐND - UBND và các ban ngành đoàn thể phường Nam Định trong công tác tổ chức nuôi ăn bán trú.

- Đội ngũ cán bộ, giáo viên tâm huyết với nghề, đoàn kết, nhất trí, không ngừng vươn lên hoàn thành nhiệm vụ, có trình độ vững vàng, 100% đạt chuẩn và trên chuẩn.

- Các trang thiết bị, đồ chơi tương đối đầy đủ và đồng bộ.

4.2. Khó khăn:

Nhà trường cần bổ sung thiết bị cho các phòng chức năng.

B. KẾ HOẠCH CHỈ ĐẠO TỔ CHỨC NUÔI ĂN BÁN TRÚ NĂM 2025-2026:

I. Nhiệm vụ trọng tâm:

- Quản lý chặt chẽ chất lượng bữa ăn, giấc ngủ của trẻ tại trường theo quy định tại các văn bản.

- Huy động các nguồn lực để duy trì, nâng cao tỷ lệ trẻ ăn bán trú và chất lượng bữa ăn bán trú nhằm hoàn thành mục tiêu cải thiện thể chất cho trẻ mầm non đặc biệt là chiều cao.

- Đảm bảo thể lực để trẻ tham gia các hoạt động học tập, vui chơi và chuẩn bị bước vào các cấp học tiếp theo.

- Đảm bảo an toàn tuyệt đối về Vệ sinh an toàn thực phẩm.

II. Nhiệm vụ cụ thể:

1. Công tác chăm sóc nuôi dưỡng:

1.1. Chi tiêu:

- 100% trẻ được tổ chức nuôi ăn, được đảm bảo thân thể, tình cảm, dinh dưỡng.
- 95% - 100% trẻ được nuôi ăn bán trú có chiều hướng phát triển thể chất tích cực.
- 100% trẻ có đủ đồ dùng cá nhân (Bát, thìa, cốc bằng Inox, khăn mặt có ký hiệu riêng...).

- 100% trẻ được cân đo theo dõi sức khỏe trên biểu đồ tăng trưởng. Trẻ mẫu giáo được cân đo, đánh giá theo quý, trẻ nhà trẻ được cân đo, đánh giá sức khỏe theo tháng. Trẻ được khám sức khỏe định kỳ 2 lần/1 năm. Phần đầu 90% trẻ trở lên phát triển bình thường, cuối năm tỉ lệ trẻ SDD giảm 3% trở lên so với đầu năm.

1.2. Biện pháp:

- Thành lập ban chỉ đạo y tế trường học, ban quản lý chăm sóc sức khỏe trẻ và ban quản lý công tác nuôi ăn bán trú.

- Nhà trường xây dựng kế hoạch nuôi dưỡng chăm sóc sức khỏe cho trẻ kết hợp hoạt động giáo dục dinh dưỡng, sức khỏe tăng cường các hoạt động phát triển thể lực đảm bảo sự phát triển toàn diện cho trẻ và triển khai thực hiện kế hoạch.

- Xây dựng bảng tính khẩu phần ăn với quan điểm ưu tiên cho trẻ ăn đủ, cân đối và phát triển tốt nhất với mức thu phù hợp với kinh tế địa phương. Hợp đồng với những đơn vị cung cấp thực phẩm chất lượng tốt và giá thành phù. Thực đơn theo tuần không có bữa ăn lặp lại luân phiên tuần chẵn, tuần lẻ, thực hiện chế biến thức ăn đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Tăng cường thêm 1 món rau xanh trong bữa ăn chính của trẻ. Đảm bảo cung cấp cho trẻ 100% lượng năng lượng tối đa cần đạt trong thời gian ở trường và cân đối giữa các chất theo quy định tại thông tư 28 .

- Quản lý tài chính chặt chẽ, đúng quy định, thực hiện tài chính công khai. Tính khẩu phần ăn 2 tuần/mùa. Thường xuyên cải tiến các món ăn, phối hợp món ăn trong ngày hợp lý, tăng cường Ca, B1 trong thực đơn bữa ăn của trẻ, tăng cường lượng rau xanh trong các bữa ăn đảm bảo các món ăn phong phú, ngon miệng. Đảm bảo đủ nguồn nước sạch cho trẻ trong ăn uống và vệ sinh cá nhân.

- Thực hiện nghiêm túc quy chế tổ chức bữa ăn, giờ ngủ trưa của trẻ. Xử lý nghiêm khắc các trường hợp xúc phạm thân thể, tình cảm của trẻ. Ban giám hiệu luân phiên trực trưa tại trường.

- Củng cố và nâng cao các góc tuyên truyền, chú ý tuyên truyền biện pháp phòng chống dịch bệnh cho các bậc phụ huynh và cộng đồng.

- Thực hiện nghiêm túc cân đo theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng (4lần/năm), kiểm tra thường xuyên đảm bảo các lớp chấm biểu đồ chính xác.

- Hợp phụ huynh toàn trường, thỏa thuận mức thu nuôi ăn bán trú, phối hợp với các bậc phụ huynh trang bị đủ đồ dùng cá nhân cho trẻ.

- Phối hợp với trạm y tế phường Nam Định khám sức khỏe định kỳ 2 lần/năm cho trẻ. Tuyên truyền phòng chống các dịch bệnh theo mùa, nắm bắt kịp thời diễn biến các dịch bệnh để có biện pháp phòng tránh kịp thời.

- Qua các buổi sinh hoạt chuyên môn tổ chức cho giáo viên ôn luyện, rà soát lại các nội dung, phương pháp chăm sóc bữa ăn, giấc ngủ, thao tác vệ sinh rửa mặt, rửa

tay, cách chăm biểu đồ theo dõi sức khỏe của trẻ và ôn luyện kiến thức phòng chống tai nạn thương tích có biện pháp ngăn ngừa, bảo vệ trẻ đảm bảo tuyệt đối an toàn.

2. Nâng cao hiệu quả của công tác nuôi dưỡng và đảm bảo tuyệt đối An toàn VSTP.

2.1. Chỉ tiêu:

- Bếp ăn theo quy chuẩn 1 chiều, bếp ăn đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm.
- 100% Cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng sơ chế, chế biến được đảm bảo vệ sinh.
- 100% giáo viên nhân viên trực tiếp tham gia tổ chức ăn không có bệnh truyền nhiễm, được bồi dưỡng kiến thức vệ sinh an toàn thực phẩm.
- 100% giáo viên, nhân viên tổ chức chế biến, nấu ăn, cho ăn đúng quy trình và đảm bảo VSATTP.
- 100% nguồn thực phẩm để tổ chức nuôi ăn có nguồn gốc, đảm bảo an toàn, có đầy đủ hợp đồng ký kết.
- Tuyệt đối không để xảy ra mất an toàn vệ sinh thực phẩm.

2.2. Giải pháp:

- Thành lập Tổ giám sát về an toàn vệ sinh thực phẩm gồm các ông bà có tên sau:

1. Bà Trần Thị Kiều Loan	Tổ trưởng chuyên môn	Trưởng ban
2. Bà Nguyễn Thị Thuý	Tổ trưởng chuyên môn	Ủy viên
3. Bà Đặng Thị Bích Liên	Tổ trưởng chuyên môn	Ủy viên
4. Ông Bùi Tuấn Nghĩa	Chủ tịch hội CMHS	Ủy viên
5. Bà Trần Thị Thuý Linh	BT đoàn TNCSHCM	Ủy viên
- Tổ giám sát về an toàn vệ sinh thực phẩm có trách nhiệm giám sát việc tổ chức nuôi ăn bán trú của nhà trường, giám sát về chất lượng thực phẩm.
- Tổ chức cho giáo viên, nhân viên tham gia học tập, bồi dưỡng chuyên môn về chuyên đề vệ sinh an toàn thực phẩm.
- Bổ sung, trang bị các trang thiết bị, đồ dùng nhà bếp và đồ dùng phục vụ công tác nuôi ăn tại các lớp.
- Xây dựng các quy chế, các hướng dẫn để hướng dẫn giáo viên, nhân viên chế biến, nấu ăn, tổ chức ăn đúng quy trình, đảm bảo tuyệt đối vệ sinh an toàn thực phẩm.
- Hợp đồng với những cơ sở bán lương thực, thực phẩm, đảm bảo chất lượng, an toàn đem đến nhập tại trường, có biên bản hợp đồng về giá cả, thời hạn hợp đồng chất lượng. Hàng ngày có lưu mẫu thức ăn 24/24 giờ, niêm phong ghi rõ ngày tháng, người lưu mẫu, người chứng kiến.
- Làm tốt công tác vệ sinh bếp ăn, vệ sinh môi trường, vệ sinh nhóm lớp. Thường xuyên lồng ghép giáo dục thói quen vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường cho các cháu thông qua các hoạt động học tập, vui chơi. Chú trọng dạy trẻ một số hoạt động tự phục vụ.

- Cô nuôi được tập huấn nâng cao kiến thức vệ sinh an toàn thực phẩm và có chứng nhận đảm bảo sức khỏe. Thường xuyên kiểm tra việc nhập thực phẩm, sơ chế, thực hiện nấu ăn, chia ăn và giữ vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường.

- Kiểm định mẫu nước 2 lần/năm.

- Test thực phẩm hàng tháng, kiểm tra nhãn mác thực phẩm khô hàng ngày.

3. Hoạt động quản lý chăm sóc trẻ buổi trưa ăn bán trú.

3.1. Chỉ tiêu:

- 100% thành viên của Ban quản lý bán trú có trình độ chuyên môn, có nhận thức về tầm quan trọng của công tác nuôi ăn bán trú trong trường mầm non.

- 100% thành viên của Ban quản lý bán trú hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Thực hiện trực quản lý theo đúng phân công.

- Công tác điều hành nhân sự và công tác quản lý thu chi đúng người đúng việc, dân chủ, công khai minh bạch.

- Giáo viên được giao nhiệm vụ chăm sóc trẻ buổi trưa phải thực hiện đầy đủ quy trình quản lý và chăm sóc trẻ theo quy định chuyên môn.

3.2. Biện pháp:

3.2.1. Thành lập ban quản lý nuôi ăn bán trú trong nhà trường năm học 2025-2026.

- Ngay từ đầu năm học, hiệu trưởng nhà trường dựa trên nhiệm vụ phải thực hiện và căn cứ vào khả năng, năng lực của các cá nhân để thành lập ban quản lý nuôi ăn bán trú. Ban quản lý nuôi ăn bán trú của trường mầm non 8-3 năm học 2025-2026 gồm những ông bà sau:

Bà Phạm Thị Long Quân	Hiệu trưởng	Trưởng ban
Bà Lê Thị Thu Cúc	Phó hiệu trưởng	Phó ban
Bà Cô Thị Kim Thoa	Kế toán	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Thủ quỹ	Ủy viên
Bà Trần Thị Kiều Loan	TTCM	Ủy viên

- Các thành viên của ban quản lý bán trú được bồi dưỡng chuyên môn và tập huấn về nhiệm vụ của mình trong việc tổ chức điều hành nuôi ăn bán trú. Có đủ khả năng, năng lực để tập huấn cho giáo viên và nhân viên trong nhà trường về công tác chăm sóc sức khỏe trẻ và nuôi ăn bán trú.

- Thường xuyên cập nhật các văn bản chỉ đạo, các tài liệu chuyên môn để đáp ứng yêu cầu công việc.

3.2.2. Nhiệm vụ của Ban quản lý bán trú:

- Căn cứ vào chuyên môn của các thành viên trong ban quản lý bán trú, Trưởng ban phân công nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên.

- Các thành viên thực hiện nhiệm vụ đã được phân công và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Trưởng ban và hiệu trưởng trường.

- Các khó khăn hạn chế khi thực hiện nhiệm vụ đều được Ban quản lý bàn bạc giải quyết dân chủ khách quan. Nếu một số nội dung không giải quyết được trong phạm vi và quyền hạn của ban quản lý, Trưởng ban phải báo cáo Hiệu trưởng kịp thời.

- Các thành viên của ban quản lý được phân công nhiệm vụ cụ thể như sau:

Họ tên thành viên BQLBT	Chức vụ	Nhiệm vụ được phân công.
Bà Phạm Thị Long Quân	Trưởng ban	<ul style="list-style-type: none">- Điều hành chung- Trục trua lãnh đạo.- Xây dựng, triển khai, đánh giá kế hoạch nuôi ăn bán trú cho trẻ tại trường.- Phân công nhiệm vụ Ban quản lý bán trú, nhiệm vụ giáo viên nhân viên.- Quản lý nguồn kinh phí Nuôi ăn BT và phê duyệt thu chi, phê duyệt hồ sơ nuôi ăn bán trú.- Xây dựng thực đơn và khẩu phần ăn cho trẻ
Bà Lê Thị Thu Cúc	Phó ban	<ul style="list-style-type: none">- Chỉ đạo giáo viên công tác tổ chức ăn, ngủ của trẻ trên lớp và công tác nấu ăn chia ăn... của nhân viên tổ dinh dưỡng.- Duyệt hồ sơ kiểm thực, lưu mẫu của nhân viên DD.- Xây dựng kế hoạch phục hồi dinh dưỡng, chống BP- Xây dựng thực đơn, tính khẩu phần ăn
Bà Cồ Thị Kim Thoa	Ủy viên	<ul style="list-style-type: none">- Thực hiện công tác thu, chi, làm hồ sơ sổ sách thu chi và sổ sách nuôi ăn bán trú.
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Ủy viên	<ul style="list-style-type: none">- Quản lý nguồn quỹ nuôi ăn bán trú, quản lý kho thực phẩm.
Bà Trần Thị Kiều Loan	Ủy viên	<ul style="list-style-type: none">- Giám sát HĐ tổ chức nuôi ăn bán trú.

- Phân công mỗi lớp luôn có 01 đến 02 giáo viên trực buổi trưa. Giáo viên trực trưa phải đảm bảo luôn có mặt tại lớp để chăm sóc giờ ngủ cho trẻ. Giáo viên trực trưa không ngủ, không làm việc riêng và thực hiện quy trình chăm sóc giấc ngủ cho trẻ theo đúng quy định chuyên môn

- Ban giám hiệu có trách nhiệm phân công người trực trưa, kiểm tra giám sát hoạt động chăm sóc trẻ buổi trưa tại các nhóm lớp. Kịp thời chỉ đạo, xử lý khi có bất thường xảy ra.

- Thường xuyên nhắc lại các quy trình chăm sóc và quản lý trẻ buổi trưa trong những lần sinh hoạt chuyên môn để giáo viên nắm chắc. Khuyến khích giáo viên

phản hồi những vấn đề phát sinh trong quá trình trực trưa để có giải pháp khắc phục hoặc cùng chia sẻ để các giáo viên khác rút kinh nghiệm.

- Kinh phí chi cho công tác quản lý chăm sóc trẻ buổi trưa ngoài giờ hành chính được chia theo số giờ làm thêm cụ thể từng cán bộ, giáo viên, nhân viên.

III. KẾ HOẠCH THU CHI TIỀN ĂN, PHỤC VỤ CHO HỌC SINH BÁN TRÚ

1. Thuê người nấu ăn bán trú

Mức thu: 100.000đ/ cháu/tháng

- Hình thức thu: Thu định kỳ hàng tháng, được thu theo số tháng thực học.

Thời gian thu từ ngày 01 đến ngày 06 hàng tháng.

- Dự kiến số trẻ ăn bán trú 1 tháng: 328 trẻ

- Dự kiến thu: 100.000đ x 328 trẻ = 32.800.000đ/ tháng.

- Dự kiến chi: Trả công cho nhân viên nấu ăn:

5.466.667đ/người/ tháng x 6 người = 32.800.000đ

2. Tiền quản lý, chăm sóc trẻ buổi trưa ăn bán trú và ngoài giờ hành chính

2.1. Mức thu: 6.000đ/ cháu/ngày

2.2. Hình thức thu: Thu định kỳ hàng tháng, được thu theo số ngày thực ăn.

Thời gian thu từ ngày 01 đến ngày 06 hàng tháng.

2.3. Dự kiến số trẻ hàng tháng: 328 cháu

- *Dự kiến thu 328 cháu x 6.000đ/cháu/ngày = 1.968.000 đồng*

2.4. Dự kiến chi: 1.968.000 đồng/ ngày

+ Trả công cho cán bộ quản lý, giáo viên đứng lớp, kế toán, thủ quỹ, nhân viên,... theo số ngày trực trưa thực tế.

Cụ thể:

Chi thù lao cho giáo viên dạy trực tiếp 80%

Chi công tác quản lý (HT, HP,KT,TQ): 20%

3. Tiền ăn bán trú đối với trẻ

3.1. Mức thu: 30.000đ/ cháu/ngày

3.2. Hình thức thu: Thu định kỳ hàng tháng, được thu theo số ngày thực ăn.

Thời gian thu từ ngày 01 đến ngày 06 hàng tháng.

3.3. Đối tượng hỗ trợ ăn trưa: Không miễn giảm

3.4. Dự kiến chi tiền ăn/ ngày/ cháu = 30.000 đồng/ ngày

- 28.000 đ tiền mua thực phẩm nấu ăn cho trẻ

- 2.000 đ tiền khí đốt, điện nước

(Thực phẩm theo bảng thực đơn của nhà trường đã xây dựng theo mùa, giá cả theo từng thời kỳ. (Có Bảng thực đơn 1 tuần và bảng tính khẩu phần ăn cho 1 ngày làm minh chứng kèm theo)

4. Tiền đóng góp lần đầu tiên phục vụ nuôi ăn bán trú nhà trẻ, mẫu giáo

Mua mới, mua bổ sung (chăn, gô, đệm, giát giường, tiền mua dụng cụ nhà bếp ăn bán trú... thực hiện theo nguyên tắc thu đủ chi) do cơ sở giáo dục thoả thuận với cha mẹ học sinh để quy định.

4.1. Mức thu: 500.000đ/cháu mới nhập học;

4.2. Hình thức thu: Thu cháu mới lần đầu tiên nhập học.

4.3. Dự kiến số cháu nhập học mới trong năm học: 50 cháu

* Dự kiến số tiền thu được năm học 2025 - 2026 là:

50 cháu x 500.000 đ = 25.000.000 đồng

* Dự kiến chi: 25.000.000 đ (Căn cứ vào điều kiện thực tế của nhà trường)

STT	Tên đồ dùng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Định mức bổ sung dự kiến (%)	TỔNG (đồng)
A	B	C	1	2	3	4=1 x 2 x 3
1	Bát	Cái	50	20.000	50	1.000.000
2	Thìa	Cái	50	6.000	50	300.000
3	Cốc	Cái	50	10.000	50	500.000
4	Chiếu	Cái	24	150.000	24	3.600.000
5	Gô	Cái	50	37.000	50	1.850.000
6	Chăn đông 5 cháu/chiếc: 650.000đ	Cái	10	650.000	10	6.500.000
7	Đệm	Cái	26	250.000	26	6.500.000
8	Dụng cụ nhà bếp, bán trú dùng chung cho trẻ....					4.750.000
Tổng cộng						25.000.000

**DANH SÁCH CB, GV, NV THAM GIA QUẢN LÝ CHĂM SÓC TRẺ BUỔI
TRƯA VÀ NGOÀI GIỜ HÀNH CHÍNH.
NĂM HỌC 2025-2026.**

TT	Họ tên	Năm sinh	Trình độ	Chức vụ Nhiệm vụ	Ghi chú
1	Phạm Thị Long Quân	11/2/1976	Thạc sĩ	Hiệu trưởng	
2	Trần Thị Vân	6/5/1977	Đại học	Phó HT	
3	Lê Thị Thu Cúc	29/6/1981	Đại học	Phó HT	
4	Cồ Thị Kim Thoa	31/10/1974	Đại học	Kế toán	
5	Nguyễn Thị Thu Hiền	11/3/1991	Đại học	TTCM-GV lớp Táo đỏ Montessori	
6	Trần Thị Bích	3/5/1975	Đại học	TPCM-GV lớp Táo đỏ 2	
7	Nguyễn Thị Thúy	2/4/1979	Đại học	TTCM-GV lớp Dâu tây 1	
8	Lê Thu Lan	15/11/1979	Đại học	TPCM-GV lớp Dâu tây 2	
9	Trần Thị Kiều Loan	7/11/1976	Đại học	TTCM-GV lớp Cherry 2	
10	Hà Thị Thanh Mai	16/1/1987	Đại học	TPCM-GV lớp Cherry	
11	Đặng Thị Bích Liên	20/11/1987	Đại học	TTCMNT - GV lớp Kiwi1	
12	Nguyễn Thị Thu Hiền	25/5/1975	Đại học	TPCMNT - GV lớp Kiwi3	
13	Đặng Thị Huyền	7/5/1991	Đại học	GV lớp Táo đỏ Montessori	
14	Vũ Thị Yến	11/2/1979	Đại học	GV lớp Táo đỏ 1	
15	Trần Thị Hạnh	16/7/1977	Đại học	GV lớp Táo đỏ 1	
16	Lại Thị Hiền	4/3/1984	Đại học	GV lớp Táo đỏ 2	
17	Trần Thị Trang	5/8/1991	Đại học	GV lớp Táo đỏ 3	
18	Lê Thị Thủy	5/5/1989	Đại học	GV lớp Táo đỏ 3	
19	Phan Thị Huyền Trang	28/8/1986	Đại học	GV lớp Táo đỏ	

20	Trần Thị Thanh Hương	26/8/1996	Đại học	GV lớp Táo đỏ	
21	Nguyễn Thị Minh Thu	12/12/1981	Đại học	GV lớp Dâu tây Montessori	
22	Trần Thị Thùy Linh	20/12/1993	Đại học	GV lớp Dâu tây Montessori	
23	Vũ Huyền Trang	18/11/1995	Đại học	GV lớp Dâu Tây 1	
24	Nguyễn Thị Lan	22/4/1988	Đại học	GV lớp Dâu Tây 2	
25	Nguyễn Thị Thu Hương	9/6/1987	Đại học	GV lớp Dâu Tây 3	
26	Nguyễn Thị Kim Thúy	9/12/1988	Đại học	GV lớp Dâu Tây 3	
27	Phạm Bích Ngọc	10/1/1994	Đại học	GV lớp Dâu Tây	
28	Đặng Thu Trang	3/9/1991	Đại học	GV lớp Cherry Montessori	
29	Hoàng Thị Thảo	9/10/1996	Đại học	GV lớp Cherry Montessori	
30	Hà Thùy Trang	19/10/1992	Đại học	GV lớp Cherry 1	
31	Đinh Thị Vân Anh	29/11/1988	Đại học	GV lớp Cherry 1	
32	Đặng Thị Hồng	19/9/1990	Đại học	GV lớp Cherry 2	
33	Lưu Thị Thúy	20/10/1989	Đại học	GV lớp Cherry 3	
34	Vũ Thị Hà	24/02/1995	Đại học	GV lớp Cherry 3	
35	Phan Thị Lan Hồng	16/11/1983	Đại học	GV lớp Kiwi 1	
36	Hoàng Quỳnh Trang	12/4/1982	Đại học	GV lớp Kiwi 2	
37	Phạm Thị Hoạt	3/12/1985	Đại học	GV lớp Kiwi 3	
38	Ngô Thị Bích	11/7/1995	Đại học	GV lớp Kiwi 3	